

Số: 1744/QĐ-SXD

Hà Nam, ngày 14 tháng 10 năm 2016

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc Công bố Hệ thống quản lý chất lượng phù hợp**  
**Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008**

**GIÁM ĐỐC SỞ XÂY DỰNG TỈNH HÀ NAM**

Căn cứ quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước;

Căn cứ tính hiệu quả trong việc xây dựng, áp dụng và cải tiến thường xuyên hiệu lực Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2008;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Sở-Thư ký Ban chỉ đạo ISO,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố Hệ thống quản lý chất lượng tại Sở Xây dựng phù hợp Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 theo quy định tại Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05 tháng 3 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ đối với các lĩnh vực hoạt động trong Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

**Điều 2.** Ban chỉ đạo ISO, Văn phòng Sở, Trưởng các phòng chuyên môn nghiệp vụ, Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Sở Xây dựng thường xuyên triển khai áp dụng, duy trì và cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng theo phạm vi đã công bố, chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký./.

**Nơi nhận:**

- Sở KH&CN (để p/h);
- Như điều 2 (để t/h);
- Lưu: VT, VP.



**GIÁM ĐỐC**

**Phạm Mạnh Hùng**





## PHỤ LỤC

### CÁC LINH VỰC HOẠT ĐỘNG CỦA SỞ XÂY DỰNG ĐƯỢC CÔNG BỐ HỢP TIÊU CHUẨN QUỐC GIA TCVN ISO 9001:2008

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1744/QĐ-SXD ngày 14 tháng 10 năm 2016 của Giám đốc Sở Xây dựng)

STT	Tên tài liệu
<b>I. THỦ TỤC THEO YÊU CẦU TIÊU CHUẨN</b>	
1.	Chính sách chất lượng
2.	Mục tiêu chất lượng
3.	Sổ tay chất lượng
4.	Quy trình kiểm soát tài liệu
5.	Quy trình kiểm soát hồ sơ
6.	Quy trình đánh giá nội bộ
7.	Quy trình kiểm soát sự không phù hợp
8.	Quy trình thực hiện hành động khắc phục
9.	Quy trình thực hiện hành động phòng ngừa
<b>II. CÁC QUY TRÌNH GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH</b>	
<b>1. Phòng Quản lý xây dựng</b>	
10.	Thẩm định dự án đầu tư xây dựng đối với dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước
11.	Thẩm định báo cáo kinh tế- kỹ thuật đầu tư xây dựng đối với dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước
12.	Thẩm định thiết kế cơ sở (trừ thiết kế công nghệ) đối với dự án sử dụng vốn nhà nước ngoài ngân sách
13.	Thẩm định thiết kế cơ sở (trừ thiết kế công nghệ) dự án đầu tư xây dựng đối với dự án sử dụng vốn khác
14.	Thẩm định dự án đầu tư xây dựng điều chỉnh đối với dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước
15.	Thẩm định thiết kế cơ sở điều chỉnh đối với dự vốn nhà nước ngoài ngân sách, vốn khác
16.	Thẩm định thiết kế kỹ thuật, dự toán trong trường hợp thiết kế 3 bước, thiết kế bản vẽ thi công, dự toán trong trường hợp thiết kế 2 bước

17.	Thẩm định thiết kế bản vẽ thi công và dự toán của báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng (trừ thiết kế công nghệ và các nội dung khác) đối với dự án sử dụng vốn nhà nước ngoài ngân sách, vốn khác ảnh hưởng lớn đến cảnh quan môi trường và an toàn của cộng đồng
<b>2. Phòng Quy hoạch kiến trúc</b>	
18.	Cấp giấy phép xây dựng đối với công trình cấp I, II thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND tỉnh
19.	Cấp giấy phép xây dựng đối với công trình tôn giáo thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND tỉnh
20.	Cấp giấy phép xây dựng mới đối với công trình tượng đài, tranh hoành tráng thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND tỉnh
21.	Cấp giấy phép xây dựng đối với công trình quảng cáo
22.	Cấp giấy phép xây dựng mới đối với công trình theo tuyến
23.	Cấp giấy phép xây dựng mới đối với công trình không theo tuyến
24.	Cấp giấy phép sửa chữa, cải tạo công trình
25.	Cấp giấy phép xây dựng đối với trường hợp di dời công trình
26.	Cấp lại giấy phép xây dựng
27.	Gia hạn giấy phép xây dựng
28.	Điều chỉnh giấy phép xây dựng
29.	Cấp giấy phép quy hoạch xây dựng dự án đầu tư xây dựng
30.	Thẩm định đồ án quy hoạch xây dựng chi tiết 1/500 thuộc dự án đầu tư xây dựng công trình
<b>Phòng kinh tế xây dựng</b>	
31.	Cấp chứng chỉ hành nghề chủ trì thiết kế quy hoạch xây dựng
32.	Cấp chứng chỉ hành nghề chủ nhiệm khảo sát xây dựng
33.	Cấp chứng chỉ hành nghề làm chủ trì, chủ nhiệm thiết kế
34.	Cấp chứng chỉ hành nghề giám sát thi công xây dựng
35.	Cấp chứng chỉ hành nghề định giá xây dựng
36.	Cấp chứng chỉ hành nghề kiểm định xây dựng
37.	Cấp chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng đối với tổ chức tư vấn lập thiết kế quy hoạch xây dựng
38.	Cấp chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng đối với tổ chức tư vấn lập, thẩm tra dự án đầu tư xây dựng

39.	Cấp chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng đối với ban quản lý dự án đầu tư xây dựng
40.	Cấp chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng đối với tổ chức tư vấn quản lý dự án
41.	Cấp chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng đối với tổ chức khảo sát xây dựng
42.	Cấp chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng đối với tổ chức thực hiện giám sát thi công, kiểm định xây dựng
43.	Cấp chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng đối với tổ chức tư vấn quản lý chi phí đầu tư xây dựng
44.	Cấp chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng đối với tổ chức thi công xây dựng công trình
45.	Cấp chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng đối với tổ chức thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng công trình
46.	Đăng ký thông tin về năng lực hoạt động xây dựng
47.	Cấp giấy phép hoạt động nhà thầu
48.	Công nhận phòng thí nghiệm phục vụ khảo sát xây dựng
49.	Thẩm định giá bán, giá cho thuê, thuê mua nhà ở xã hội được đầu tư bằng nguồn vốn nước ngoài
50.	Chuyển nhượng toàn bộ hoặc 1 phần dự án bất động sản đối với dự án do UBND cấp tỉnh quyết định việc đầu tư
<b>Phòng Phát triển đô thị và Hạ tầng</b>	
51.	Chấp thuận chủ trương đầu tư dự án đầu tư xây dựng nhà ở do UBND cấp tỉnh chấp thuận
52.	Lựa chọn chủ đầu tư dự án xây dựng (Lựa chọn chủ đầu tư dự án xây dựng nhà ở thương mại; Lựa chọn chủ đầu tư dự án xây dựng nhà ở công vụ; Lựa chọn chủ đầu tư dự án xây dựng nhà ở để phục vụ tái định cư; Lựa chọn chủ đầu tư dự án xây dựng nhà ở xã hội bằng vốn ngân sách nhà nước; Lựa chọn chủ đầu tư dự án cải tạo, xây dựng lại nhà chung cư cũ)
53.	Phê duyệt dự án mua nhà ở thương mại làm nhà ở công vụ
54.	Điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng nhà ở

55.	Phê duyệt cơ chế ưu đãi đối với chủ đầu tư xây dựng nhà ở xã hội
56.	Chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo hình thức phân lô bán nền tại khu vực đô thị
57.	Phê duyệt phương án bố trí nhà ở tái định cư
58.	Phê duyệt phá dỡ nhà ở (chung cư)
59.	Phê duyệt danh sách nhà ở có giá trị nghệ thuật, văn hóa, lịch sử
60.	Quyết định đối tượng được thuê nhà ở công vụ
61.	Quyết định đối tượng được mua nhà ở cũ thuộc sở hữu nhà nước
62.	Thu hồi hoặc cưỡng chế thu hồi nhà ở thuộc sở hữu nhà nước
63.	Thông báo nhà đủ điều kiện được bán, cho thuê, thuê mua đối với nhà ở xã hội được đầu tư bằng vốn ngoài ngân sách
64.	Phê duyệt đối tượng được thuê, thuê mua nhà ở xã hội thuộc sở hữu nhà nước
65.	Phê duyệt đề án hỗ trợ người có công với cách mạng về nhà ở
66.	Gia hạn thời hạn sở hữu nhà ở tại Việt Nam cho cá nhân, tổ chức nước ngoài
67.	Thông báo cho cơ quan quản lý nhà ở cấp tỉnh về việc nhà ở đủ điều kiện được bán, cho thuê mua nhà ở hình thành trong tương lai
68.	Cấp chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản
69.	Cấp giấy phép chặt hạ, chuyển dịch cây xanh đô thị
<b>III. QUY TRÌNH QUẢN LÝ NỘI BỘ</b>	
70.	Mua sắm trang thiết bị
71.	Quản lý sử dụng tài sản, trang thiết bị
72.	Quản lý văn bản đi, đến
73.	Khắc phục sự cố công nghệ thông tin